

Số phiếu: 01564/2025/PKQ-THH (25.1599)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN
- TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH KHAI THÁC TÀU LAI DẮT
- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN
- TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH KHAI THÁC TÀU LAI DẮT
- Địa chỉ lấy mẫu** : Số 3, Trương Đình Hối, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày lấy mẫu** : 21/04/2025
- Thời gian thử nghiệm** : 22/04/2025 - 28/04/2025
- Ngày trả kết quả** : 28/04/2025
- Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	250422.KK.002	Khu vực cổng (X = 1189 837; Y = 605 877)	Không khí xung quanh
2	250422.KK.003	Khu vực cầu cảng (X = 1189 824; Y = 605 881)	Không khí lao động
3	250422.NT.002	Tại hố ga cuối (X = 1189 840; Y = 605 888)	Nước thải

8. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.





TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủ Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778



VIMCERTS 076

Số phiếu: 01564/2025/PKQ-THH (25.1599)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 250422.KK.002)

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018.	61,3	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	210	300
3	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	54	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	66	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	3.031	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận VIMcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 250422.KK.002: Khu vực cổng (X = 1189 837; Y = 605 877)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TÂN HUY HOÀNG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01564/2025/PKQ-THH (25.1599)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 250422.KK.003)

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 24:2016/BYT
				Làm việc 6 ngày	Tại nơi làm việc
1	Tiếng ồn ^(c) dBA	TCVN 9799 : 2013	59,4	-	85
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c) mg/m ³	TCVN 5067:1995.	0,51	6,25 ⁽¹⁾	-
3	Nito đioxit (NO ₂) ^(c) mg/m ³	TCVN 6137:2009.	0,072	3,91	-
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(c) mg/m ³	TCVN 5971:1995.	0,085	3,91	-
5	Cacbon monoxit (CO) ^(c) mg/m ³	QT-PTKCO-29.	3,30	15,63	-

Chú thích: (c)- Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

- (1): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

- 250422.KK.003: Khu vực cầu cảng (X = 1189 824; Y = 605 881)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 01564/2025/PKQ-THH (25.1599)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 250422.NT.002)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột B
1	pH ^(b)		TCVN 6492:2011	6,67	5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	12	100
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	HDDNHT-23	111,9	1.000
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	21	50
5	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500S2-.B&D:2023	KPH (MDL = 0,015)	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	0,20	10
7	Chất hoạt động bề mặt ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	<0,080 (LOQ=0,08)	10
8	Dầu mỡ động thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,8	20
9	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	KPH (MDL = 0,02)	10
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	0,59	50
11	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,5 x 10 ³	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột B: Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ)

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 250422.NT.002: Tại hố ga cuối (X = 1189 840; Y = 605 888)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng